

**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI NGƯỜI MÙ HUYỆN AN THI**

(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày /11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên*)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Tên gọi, biểu tượng**

- Tên gọi: Hội Người mù huyện Ân Thi.
- Biểu tượng: Hội sử dụng biểu tượng của Hội Người mù Việt Nam.
- Ngày 17 tháng 4 hàng năm là Ngày truyền thống của Hội.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Người mù huyện Ân Thi (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của những người mù Việt Nam đang sinh sống trên địa bàn huyện Ân Thi, hoạt động nhằm tập hợp, đoàn kết người mù vào tổ chức Hội, cùng hoạt động vì quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên trên cơ sở thúc đẩy thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật và Luật Người khuyết tật nhằm cải thiện cuộc sống của người mù; đẩy mạnh xây dựng môi trường không rào cản, tạo điều kiện để người mù tham gia bình đẳng vào các hoạt động xã hội; góp phần thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Hội có mối quan hệ chặt chẽ với các đoàn thể và các tổ chức xã hội. Hội là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Ân Thi và Hội Người mù tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản riêng tại kho bạc Nhà nước; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại trụ sở UBND huyện Ân Thi, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Hội hoạt động trên phạm vi huyện Ân Thi.
- Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân huyện Ân Thi và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

- Tự nguyện, tự quản, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật;
- Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch;

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động;
4. Không vì mục đích lợi nhuận;
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội và Điều lệ Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí, tài chính, tài sản của Hội theo đúng các quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức: Công dân Việt Nam sinh sống trên địa bàn huyện Ân Thi từ 15 tuổi trở lên, có thị lực 0,5/10 trở xuống hoặc sau khi đã chỉnh kính cả hai mắt chỉ đếm được ngón tay khi đặt bàn tay cách mắt 3 mét trở lại, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam, nữ, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội thì được xem xét quyết định công nhận là hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên liên kết: Công dân Việt Nam có khuyết tật nhìn nhưng chưa đủ tiêu chuẩn của hội viên chính thức quy định tại khoản 1 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tham gia tích cực hoạt động Hội được xem xét công nhận là hội viên liên kết của Hội.

3. Hội viên danh dự: Công dân Việt Nam tán thành Điều lệ Hội, có đóng góp tích cực, hiệu quả cho sự phát triển của Hội, được xem xét công nhận là hội viên danh dự của Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội; được giới thiệu hội viên vào cơ quan lãnh đạo của Hội theo quy định của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra của Hội theo quy định của Hội (những người ứng cử, đề cử vào Ban Chấp hành Hội phải có tuổi đời từ 21 trở lên).

5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra Hội

1. Việc kết nạp hội viên do Ban Chấp hành xem xét, quyết định.
2. Ban Chấp hành quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục kết nạp hội viên, chuyển sinh hoạt Hội và ra khỏi Hội phù hợp quy định của Điều lệ Hội và của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Thường trực.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng.
6. Các tổ chức thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Hội hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.
2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu

được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt. Thành phần, số lượng đại biểu dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết của Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các nghị quyết, quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

5. Đại biểu tham dự Đại hội gồm đại biểu chính thức và đại biểu khách mời

a) Đại biểu chính thức gồm:

- Đại biểu đương nhiên là các Ủy viên Ban Chấp hành đương nhiệm;

- Đại biểu bầu là những cán bộ, hội viên có nhiều thành tích trong hoạt động do tổ chức Hội bầu;

b) Đại biểu khách mời: Đại diện các cơ quan, ban, ngành của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc; hội viên danh dự; đại diện tổ chức thành viên liên kết; đại diện các tổ chức liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

c) Chỉ đại biểu chính thức mới có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực, bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành Hội 03 (ba) tháng họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Thường trực Hội hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành yêu cầu;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành họp lệ khi có từ 1/2 (một phần hai) Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua việc lấy ý kiến biểu quyết của các Ủy viên bằng văn bản. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Thường trực Hội

1. Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên (nếu có) làm việc thường trực tại Văn phòng, có nhiệm vụ lên kế hoạch hoạt động hàng năm thực hiện chương trình, nghị quyết của Ban Chấp hành giao. Thường trực Hội điều hành hoạt động Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội:

a) Quyết định các vấn đề hoạt động thường xuyên của Văn phòng Hội;

b) Chuẩn bị các nội dung, triệu tập các kỳ họp thường kỳ và bất thường của Ban Chấp hành.

3. Thường trực Hội hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của Hội. Thường trực Hội làm việc theo chế độ tập thể, cá nhân phụ trách.

Điều 16. Ban Kiểm tra hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban và các Ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Thường trực, các quy chế, quy định của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

c) Báo cáo trong kỳ họp của Ban Chấp hành, Thường trực để giải quyết kịp thời những vướng mắc trong hoạt động của Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra Hội hoạt động theo quy chế của Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động của Hội, trước Ban Chấp hành, Thường trực Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định tại Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Thường trực Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Thường trực;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Thường trực hội ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Văn phòng

1. Văn phòng Hội là bộ phận tham mưu, giúp việc và triển khai thực hiện các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Chế độ, chính sách đối với người làm việc tại Văn phòng Hội thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, pháp luật về lao động và Điều lệ Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên; giải thể Hội và việc giải quyết tài sản, tài chính khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể Hội thực hiện theo quy định của pháp luật về hội và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 20. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể Hội được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 22. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên của Hội có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 23. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Hội, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách; Cảnh cáo; Cách chức; Khai trừ ra khỏi Hội và thu thẻ hội viên (nếu có).

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Người mù huyện Ân Thi mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Người mù huyện Ân Thi gồm 08 (tám) chương, 25 (hai mươi lăm) điều đã được Đại hội Hội Người mù huyện Ân Thi, nhiệm kỳ 2022-2027 thông qua ngày 27/10/2022 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Căn cứ quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Người mù huyện Ân Thi có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.